

Số: 44/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và quy trình nội bộ, liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/02/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-BNN-LN ngày 08/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-BNN-LN ngày 10/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 07/TTr-SNN ngày 17/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục 07 thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang (có Phụ lục 01 kèm theo).

2. Quy trình nội bộ, liên thông trong giải quyết 07 thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (có Phụ lục 02 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện:

a) Cập nhật, công khai thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở và nơi giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; hoàn thành trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thiện quy trình điện tử theo quy định và xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form) trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đối với thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này; hoàn thành trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện công khai trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo quy định; sử dụng các biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form) trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh khi giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2024.

Sửa đổi, bổ sung nội dung thủ tục hành chính số thứ tự 7, Mục I, Phần A đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang và thủ tục hành chính số thứ tự 3 điểm II, số thứ tự 4, 5, 6 điểm III Mục A.1, Phần A đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; thay thế; bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; lâm nghiệp; thú y; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

Bãi bỏ quy trình liên thông số 08, khoản 6, Mục II, Phần A của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1958/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố quy trình nội bộ, liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang và quy trình nội bộ số 01, 02 Mục I.1; quy trình liên thông số 01, 02 Mục II, Phần A của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố quy trình nội bộ, liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp; thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC-VPCP; (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 4; (thực hiện)
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, THCBKSMai.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Giang

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH TUYÊN QUANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. DANH MỤC 05 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
1	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức (mã TTHC 1.000055)	26 ngày ¹ kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	1. Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và Trả kết quả: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	Không	- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững; - Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	x	x	Một phần
2	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế (mã TTHC 1.007917)	- Trong 21 ngày ² kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa) - Trong thời hạn 30 ngày ³ kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa).	2. Trực tuyến: Cổng DVCQG (https://dichvucong.gov.vn), hoặc Cổng DVC tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Không		x	x	Một phần

¹ Cắt giảm thời gian giải quyết từ 28 ngày còn 26 ngày

² Cắt giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày còn 21 ngày

³ Cắt giảm thời gian giải quyết từ 45 ngày còn 30 ngày

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
3	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế (mã TTHC 1.007916)	<p>- Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp UBND cấp tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn:</p> <p>+ Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 57 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>+ Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 37 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng</p>	<p>1. Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và Trả kết quả: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)</p> <p>2. Trực tuyến: Cổng DVCQG (https://dichvucong.gov.vn), hoặc Cổng DVC tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)</p>	Không	<p>- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;</p> <p>- Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.</p>	x	x	Một phần

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
		rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế; 42 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế.						
4	Xác nhận bảng kê lâm sản (mã TTHC 1.000045)	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải xác minh: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp: Không quá 07 ngày⁴ kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. 	<p>1. Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Các Hạt Kiểm lâm cấp huyện</p> <p>2. Trực tuyến: Cổng DVCQG (https://dichvucong.gov.vn), hoặc Cổng DVC tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gốc hợp pháp Việt Nam; 	x	x	Một phần

⁴ Cắt giảm thời gian giải quyết từ 08 ngày còn 07 ngày

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; - Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ. 			
5	<p>Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng (mã TTHC 1.011470)</p>	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<p>1. Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và Trả kết quả: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)</p> <p>2. Trực tuyến: Cổng DVCQG (https://dichvucong.gov.vn), hoặc Cổng DVC tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp. 	x	x	Một phần

B. DANH MỤC 02 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
I THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH								
1.	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái (mã TTHC: 3.000250)	20 ngày ⁵ kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	1. Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện 2. Trực tuyến: Cổng DVC tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Không	- Thông tư số 28/2018/TTBNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững; - Thông tư số 13/2023/TTBNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TTBNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	x	x	Một phần
II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG								
2.	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện (mã TTHC: 1.011471)	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	1. Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện 2. Trực tuyến: Cổng DVCQG (https://dichvucong.gov.vn), hoặc Cổng DVC tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Không	- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.	x	x	Một phần

⁵ Cắt giảm thời gian giải quyết từ 22 ngày còn 20 ngày

PHỤ LỤC 02

QUY TRÌNH NỘI BỘ, LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN; ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số:44/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

I. QUY TRÌNH TTHC CẤP TỈNH (05 Quy trình)

1. QUY TRÌNH NỘI BỘ (02 Quy trình)

Quy trình số 01/LN

QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC XÁC NHẬN BẢNG KÊ LÂM SẢN

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Thời gian thực hiện (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Bộ phận giải quyết
1. Trường hợp không phải xác minh nguồn gốc lâm sản			
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ và viết Phiếu hẹn trả kết quả; chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	0,25 ngày làm việc	Văn thư, Hạt Kiểm lâm cấp huyện
Bước 2	Xử lý hồ sơ (nếu hồ sơ không hợp lệ, hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ). Đối với hồ sơ hợp lệ, đề xuất Lãnh đạo (bằng văn bản) ký xác nhận bảng kê lâm sản hoặc thông báo không xác nhận và nêu rõ lý do	01 ngày làm việc	Bộ phận thanh tra pháp chế, Hạt Kiểm lâm cấp huyện
Bước 3	Ký duyệt kết quả TTHC	0,5 ngày làm việc	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện
Bước 4	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ và thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả TTHC	0,25 ngày làm việc	Văn thư, Hạt Kiểm lâm cấp huyện
04 bước		02 ngày làm việc	
2. Trường hợp phải xác minh nguồn gốc lâm sản			
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ và viết Phiếu hẹn trả kết quả; chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	0,25 ngày làm việc	Văn thư, Hạt Kiểm lâm cấp huyện
Bước 2	- Xử lý hồ sơ (nếu hồ sơ không hợp lệ, hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ). Đối với hồ sơ hợp lệ cần xác minh nguồn gốc lâm sản, thông báo cho tổ chức, cá nhân	03 ngày làm việc	Bộ phận thanh tra pháp chế, Hạt Kiểm lâm cấp huyện

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Thời gian thực hiện (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Bộ phận giải quyết
	- Tiến hành xác minh, kiểm tra nguồn gốc lâm sản, lập biên bản kiểm tra lâm sản. Đề xuất Lãnh đạo (bằng văn bản) ký xác nhận bảng kê lâm sản hoặc thông báo không xác nhận và nêu rõ lý do		
Bước 3	Ký duyệt kết quả TTHC	0,5 ngày làm việc	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện
Bước 4	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ và thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả TTHC	0,25 ngày làm việc	Văn thư, Hạt Kiểm lâm cấp huyện
04 bước		04 ngày làm việc	
3. Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp			
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ và viết Phiếu hẹn trả kết quả; chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	02 giờ	Văn thư, Hạt Kiểm lâm cấp huyện
Bước 2	- Xử lý hồ sơ (nếu hồ sơ không hợp lệ, hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ). Đối với hồ sơ hợp lệ cần xác minh nguồn gốc lâm sản, thông báo cho tổ chức, cá nhân - Tiến hành xác minh, kiểm tra nguồn gốc lâm sản, lập biên bản kiểm tra lâm sản. Đề xuất Lãnh đạo (bằng văn bản) ký xác nhận bảng kê lâm sản hoặc thông báo không xác nhận và nêu rõ lý do	06 ngày	Bộ phận thanh tra pháp chế, Hạt Kiểm lâm cấp huyện
Bước 3	Ký duyệt kết quả TTHC	0,5 ngày	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện
Bước 4	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ và thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả TTHC	02 giờ	Văn thư, Hạt Kiểm lâm cấp huyện
04 bước		07 ngày⁶	

⁶ Cắt giảm thời gian giải quyết từ 08 ngày còn 07 ngày.

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC THỰC VẬT RỪNG
THÔNG THƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
HOẶC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT NGUỒN VỐN TRỒNG RỪNG**

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Thời gian thực hiện (Tổng số ngày, giờ thực hiện)	Bộ phận giải quyết
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện; tiếp nhận hồ sơ và quét (scan), đóng dấu điện tử, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ.	0,25 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)
Bước 2	Tiếp nhận, thẩm định phương án trình Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng phê duyệt Phương án khai thác lâm sản; trường hợp không phê duyệt thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do	08 ngày	Phòng Sử dụng và phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm
Bước 3	Ký duyệt kết quả TTHC	01 ngày	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc lãnh đạo Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng
Bước 4	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả	0,5 ngày	Văn thư
Bước 5	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có).	0,25 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)
05 bước		10 ngày	

2. QUY TRÌNH LIÊN THÔNG (03 Quy trình)

Quy trình liên thông số 01/LN

QUY TRÌNH LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP CHỦ DỰ ÁN TỰ TRỒNG RỪNG THAY THẾ

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Bộ phận giải quyết	Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
1. Trường hợp: Không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa					
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện; tiếp nhận hồ sơ và quét (scan), đóng dấu điện tử, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	0,25 ngày làm việc	14,75 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 2	Thẩm định, xử lý hồ sơ; lập báo cáo thẩm định; trình phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế kèm theo dự toán, thiết kế trồng rừng thay thế	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm	13,5 ngày		
Bước 3	Ký duyệt Tờ trình, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày		
Bước 4	Xem xét, quyết định phê duyệt phương án trồng rừng thay thế; Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	UBND tỉnh	06 ngày	06 ngày	UBND tỉnh
Bước 5	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và TNT)	0,25 ngày	0,25 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT
05 bước			21 ngày⁷		

⁷ Cắt giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày còn 21 ngày

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Bộ phận giải quyết	Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
2. Trường hợp: Phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa					
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện; tiếp nhận hồ sơ và quét (scan), đóng dấu điện tử, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	0,25 ngày	22,75 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 2	Thẩm định, xử lý hồ sơ; lập báo cáo thẩm định; Trình phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế; kèm theo dự toán, thiết kế trồng rừng thay thế	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm	21,5 ngày		
Bước 3	Ký duyệt Tờ trình, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày		
Bước 4	Xem xét, quyết định phê duyệt phương án trồng rừng thay thế; Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	UBND tỉnh	07 ngày	07 ngày	UBND tỉnh
Bước 5	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và TNT)	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và PTNT
05 bước			30 ngày⁸		

⁸ Cắt giảm thời gian giải quyết từ 45 ngày còn 30 ngày

**QUY TRÌNH LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC CHẤP THUẬN NỘP TIỀN TRỒNG RỪNG THAY THẾ
ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP CHỦ DỰ ÁN KHÔNG TỰ TRỒNG RỪNG THAY THẾ**

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Bộ phận giải quyết	Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
1. Trường hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn					
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện; tiếp nhận và quét (scan), đóng dấu điện tử, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	01 giờ làm việc	04 ngày 03 giờ	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 2	Thẩm định, xử lý hồ sơ; trình phê duyệt Phương án chấp thuận trồng rừng thay thế	Phòng Quản lý Bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	04 ngày		
Bước 3	Ký duyệt Tờ trình, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	02 giờ		
Bước 4	Xem xét, thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc chấp thuận nộp tiền, thời gian và số tiền phải nộp.	UBND tỉnh	2,5 ngày	2,5 ngày	UBND tỉnh
Bước 5	Chủ dự án nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	10 ngày	10 ngày	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng
Bước 6	- Thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế - Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC tỉnh	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	05 ngày	05 ngày	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Bộ phận giải quyết	Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
Bước 7	Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC về kết quả đã có thông báo cho cá nhân tổ chức đến nhận kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và TNT)	01 giờ	01 giờ	Sở Nông nghiệp và PTNT
07 bước			22 ngày		
2. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn					
2.1. Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền					
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện; tiếp nhận và quét (scan), đóng dấu điện tử, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	0,25 ngày	4,5 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 2	Xử lý hồ sơ, tham mưu văn bản báo cáo UBND tỉnh	Phòng Quản lý Bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	04 ngày		
Bước 3	Ký duyệt văn bản, báo cáo UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày		
Bước 4	Ủy ban nhân dân tỉnh gửi hồ sơ về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND tỉnh	2,5 ngày	2,5 ngày	UBND tỉnh
Bước 5	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi văn bản đề nghị UBND tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế	Bộ Nông nghiệp và PTNT	05 ngày	05 ngày	Bộ Nông nghiệp và PTNT

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Bộ phận giải quyết	Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
Bước 6	UBND tỉnh nơi tiếp nhận nguồn kinh phí trồng rừng thay thế có văn bản xác nhận về việc bố trí địa điểm trồng rừng thay thế và đơn giá trồng rừng trên địa bàn tỉnh	UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế	12 ngày	12 ngày	UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế
Bước 7	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh nơi đề nghị nộp tiền về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế	Bộ Nông nghiệp và PTNT	03 ngày	03 ngày	Bộ Nông nghiệp và PTNT
Bước 8	UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền có văn bản gửi chủ dự án về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế	UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền trồng rừng thay thế	05 ngày	05 ngày	UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền trồng rừng thay thế
Bước 9	Chủ dự án phải nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	Chủ dự án	10 ngày	10 ngày	Chủ dự án
Bước 10	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền chuyển số tiền chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để thực hiện trồng rừng tại địa phương khác và có văn bản gửi chủ dự án thông báo về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền	05 ngày	05 ngày	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền
Bước 11	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam điều chuyển tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi được lựa chọn trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam	10 ngày	10 ngày	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam
11 bước			57 ngày		

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Bộ phận giải quyết	Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
2.2. Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền					
<i>2.2.1. Trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế</i>					
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện; tiếp nhận và quét (scan), đóng dấu điện tử, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	0,25 ngày	4,5 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 2	Xử lý hồ sơ, tham mưu văn bản báo cáo UBND tỉnh	Phòng Quản lý Bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	04 ngày		
Bước 3	Ký duyệt văn bản, báo cáo UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày		
Bước 4	Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc chấp thuận nộp tiền, thời gian và số tiền phải nộp	UBND tỉnh	2,5 ngày	2,5 ngày	UBND tỉnh
Bước 5	Chủ dự án phải nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	Chủ dự án	10 ngày	10 ngày	Chủ dự án
Bước 6	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế.	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	05 ngày	05 ngày	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Bộ phận giải quyết	Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
Bước 7	Ủy ban nhân dân tỉnh nơi đề nghị nộp tiền có văn bản gửi chủ dự án thông báo về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế	UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền	05 ngày	05 ngày	UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền
Bước 8	Chủ dự án phải nộp bổ sung số tiền chênh lệch vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	Chủ dự án	10 ngày	10 ngày	Chủ dự án
08 bước			37 ngày		
<i>2.2. Trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế</i>					
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện; tiếp nhận và quét (scan), đóng dấu điện tử, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	0,25 ngày	4,5 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 2	Xử lý hồ sơ, tham mưu văn bản báo cáo UBND tỉnh	Phòng Quản lý Bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên	04 ngày		
Bước 3	Ký duyệt văn bản, báo cáo UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày		
Bước 4	Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc chấp thuận nộp tiền, thời gian và số tiền phải nộp	UBND tỉnh	2,5 ngày	2,5 ngày	UBND tỉnh

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Bộ phận giải quyết	Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
Bước 5	Chủ dự án phải nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	Chủ dự án	10 ngày	10 ngày	Chủ dự án
Bước 6	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	05 ngày	05 ngày	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ
Bước 7	Ủy ban nhân dân tỉnh nơi đề nghị nộp tiền có văn bản gửi chủ dự án thông báo về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế	UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền	05 ngày	05 ngày	UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền
Bước 8	Ủy ban nhân dân tỉnh gửi chủ dự án, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi nộp hồ sơ hoàn trả kinh phí chênh lệch cho chủ dự án	UBND tỉnh	15 ngày	15 ngày	UBND tỉnh
08 bước			42 ngày		

**QUY TRÌNH LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC PHÊ DUYỆT HOẶC ĐIỀU CHỈNH
PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ RỪNG LÀ TỔ CHỨC**

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Bộ phận giải quyết	Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện; tiếp nhận và quét (scan), đóng dấu điện tử, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 2	Lấy ý kiến Phương án quản lý rừng bền vững	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm	02 ngày	02 ngày	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm
Bước 3	Các cơ quan, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến trả lời ý kiến bằng văn bản	Sở, ngành, đơn vị liên quan	07 ngày	07 ngày	Sở, ngành, đơn vị liên quan
Bước 4	Tổng hợp, đánh giá, hoàn thiện Báo cáo kết quả thẩm định; duyệt tờ trình phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm	08 ngày	08 ngày	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm
Bước 5	Ký duyệt Tờ trình trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày	01 ngày	Lãnh đạo Sở

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Bộ phận giải quyết	Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
Bước 6	- Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	UBND tỉnh	7,5 ngày	7,5 ngày	UBND tỉnh
Bước 7	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và PTNT
07 bước			26 ngày⁹		

⁹ Cắt giảm thời gian giải quyết từ 28 ngày xuống còn 26 ngày

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ TTHC CẤP HUYỆN (02 Quy trình)

Quy trình số 01/LN

QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC PHÊ DUYỆT HOẶC ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ RỪNG LÀ LÀ HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ HOẶC HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN LIÊN KẾT THÀNH NHÓM HỘ, TỔ HỢP TÁC TRƯỜNG HỢP CÓ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DU LỊCH SINH THÁI

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Bộ phận giải quyết
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện; tiếp nhận và quét (scan), đóng dấu điện tử, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ.	0,25 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện
Bước 2	Kiểm tra, xem xét hồ sơ. Lấy ý kiến Phương án quản lý rừng bền vững	1,5 ngày	Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện
Bước 3	Các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời ý kiến bằng văn bản	07 ngày	Cơ quan, đơn vị trực thuộc có liên quan
Bước 4	Tổng hợp, đánh giá, hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định; xem xét, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	10 ngày	Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện
Bước 5	Ký duyệt kết quả TTHC	01 ngày	Lãnh đạo UBND cấp huyện
Bước 6	Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC về kết quả đã có, thông báo cho tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả và thu phí, lệ phí (nếu có)	0,25 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện
06 bước		20 ngày¹⁰	

¹⁰ Cắt giảm thời gian giải quyết từ 22 ngày còn 20 ngày

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC
THỰC VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Thời gian thực hiện (Tổng số ngày, giờ thực hiện)	Bộ phận giải quyết
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện; tiếp nhận và quét (scan), đóng dấu điện tử, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ.	02 giờ làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện
Bước 2	Tiếp nhận, thẩm định phương án Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Phương án khai thác lâm sản và trả kết quả cho chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân được chủ rừng ủy quyền; trường hợp không phê duyệt thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	08 ngày	Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế thành phố
Bước 3	Ký duyệt kết quả TTHC	01 ngày	Lãnh đạo UBND cấp huyện
Bước 4	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả	0,5 ngày	Văn thư
Bước 5	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có).	02 giờ làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện
05 bước		10 ngày	